

KẾ HOẠCH

CHIA SẺ LỢI ÍCH TỪ THỎA THUẬN CHI TRẢ GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa Kế hoạch chia sẻ lợi ích từ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) quy định tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (Nghị định số 107/2022/NĐ-CP); đáp ứng điều kiện hiệu lực của ERPA.

2. Yêu cầu

Thực hiện chi trả nguồn tiền từ ERPA đúng đối tượng, đúng nội dung, tuân theo nguyên tắc quản lý tài chính, định mức chi và thuế quy định tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP; bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, công bằng; phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng hưởng lợi

Đối tượng hưởng lợi (được chi trả) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP, gồm:

a) Chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp được giao quản lý rừng tự nhiên.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật.

c) Cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã có Thỏa thuận tham gia hoạt động quản lý rừng với chủ rừng là tổ chức.

d) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

đ) Các đối tượng khác có hoạt động liên quan đến giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính từ rừng tại địa bàn 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

2. Các nội dung được chi trả và sử dụng tiền được chi trả

2.1. Các nội dung được chi trả

Các nội dung được chi trả theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP, gồm các nhóm hoạt động: hỗ trợ các hoạt động lâm nghiệp để giảm phát thải khí nhà kính; hoạt động đóng góp trực tiếp cho giảm phát thải khí nhà kính; hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế; hoạt động quản lý.

2.2. Sử dụng tiền được chi trả

a) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam quản lý và sử dụng tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP:

- Được trích tối đa 0,5% tổng số tiền thu được từ ERPA, lãi tiền gửi (nếu có) để chi cho các hoạt động quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP. Mức trích cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định. Nội dung chi thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Nghị định số 156/2018/NĐ-CP).

- Được trích tối đa 3% tổng số tiền thu được từ ERPA để chi cho các hoạt động quy định tại khoản 1 và điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP. Mức trích cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định. Nội dung chi thực hiện theo kế hoạch được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

- Số tiền còn lại, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

b) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh quản lý và sử dụng tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP:

- Được trích tối đa 10% tổng số tiền được điều phối, lãi tiền gửi (nếu có) để chi cho các nội dung quy định tại khoản 1; điểm a, điểm b, điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP. Mức trích cụ thể trong kế hoạch thu, chi hằng năm của Quỹ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Nội dung chi quản lý và điều phối nguồn thu theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Các nhiệm vụ còn lại thực hiện theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Số tiền còn lại, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh chi trả theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 107/2022/NĐ-CP cho chủ rừng, Ủy

ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tự nhiên theo quy định tại Luật Lâm nghiệp.

c) Chủ rừng là tổ chức

Chủ rừng là tổ chức quản lý và sử dụng tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP, cụ thể:

- Được trích 10% số tiền nhận được từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh để chi cho công tác quản lý rừng. Nội dung chi quy định tại điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;

- Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý, chủ rừng ưu tiên chi trả cho các hoạt động trong Thỏa thuận tham gia hoạt động quản lý rừng, trong đó tối đa 2% chi cho Ủy ban nhân dân cấp xã có cộng đồng dân cư tham gia quản lý rừng theo Thỏa thuận tham gia hoạt động quản lý rừng, phần còn lại được chi trả cho các hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP. Nội dung tham gia hoạt động quản lý rừng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

d) Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

Sử dụng toàn bộ số tiền được chi trả để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng

Sử dụng tiền được chi trả theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

e) Ủy ban nhân dân cấp xã có Thỏa thuận tham gia hoạt động quản lý rừng với chủ rừng là tổ chức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP

Sử dụng tiền được chi trả theo quy định tại khoản 6 Điều 8 của Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

g) Cộng đồng dân cư tham gia hoạt động quản lý rừng

Sử dụng tiền theo quy định tại khoản 7 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP để quản lý bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống.

3. Số tiền chi trả

a) Xác định số tiền chi trả

Xác định số tiền thu và chi trả từ ERPA theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

Theo ERPA, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển nhượng 10,3 triệu tấn kết quả giảm phát thải cho Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD) theo 03 kỳ báo cáo, dự kiến Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

nhận được tổng số tiền chuyển nhượng kết quả giảm phát thải là 51,5 triệu USD từ IBRD, cụ thể như sau:

- Dự kiến kỳ báo cáo 1 là 3 triệu tấn CO₂ (tương đương 15 triệu USD);
- Dự kiến kỳ báo cáo 2 là 4 triệu tấn CO₂ (tương đương 20 triệu USD);
- Dự kiến kỳ báo cáo 3 là 3,3 triệu tấn CO₂ (tương đương 16,5 triệu USD).

b) Kế hoạch tài chính

Thời gian thực hiện chi trả trong 03 năm, từ năm 2023 đến năm 2025, dự kiến kế hoạch tài chính như sau:

- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam trích tối đa 3,5% (khoảng 1,80 triệu USD) gồm: kinh phí quản lý tối đa 0,5% và kinh phí cho các hoạt động khác tối đa 3% theo Kế hoạch tài chính tổng thể và kế hoạch tài chính hằng năm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt theo quy định tại khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP, số còn lại 96,5% (khoảng 49,69 triệu USD), Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam thực hiện điều phối cho 06 tỉnh theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP. Dự kiến Kế hoạch tài chính tổng thể theo Bảng¹ 01 dưới đây:

Bảng 01: Kế hoạch tài chính tổng thể

Đơn vị: Triệu USD

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng
A	B	1	2	3	4=1+2+3
I	Kinh phí trích tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (3,5%)	0,525	0,639	0,639	1,803
1	Kinh phí chi cho các hoạt động Quản lý và điều phối (0,5%)	0,075	0,091	0,091	0,258
2	Kinh phí chi cho các hoạt động ERPA (3%)	0,450	0,548	0,548	1,545
II	Kinh phí điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (96,5%)	14,475	17,611	17,611	49,697
	Tổng cộng	15,000	18,250	18,250	51,500

- Nguồn thu từ báo cáo kết quả giảm phát thải: kỳ 1 được điều phối cho các địa phương trong năm 2023; kỳ 2 và kỳ 3 điều phối cho các địa phương trong năm 2024 và năm 2025.

- Dự kiến số tiền phân bổ cho các tỉnh được điều phối trong 3 năm, từ năm 2023 đến năm 2025 sau khi đã trích tối đa 3,5% kinh phí tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam theo Bảng 02 dưới đây.

¹ Theo Mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 107/2022/NĐ-CP, cột tiền Đồng sẽ được bổ sung tại Kế hoạch tài chính tổng thể được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

Bảng 02: Số tiền dự kiến điều phối cho các tỉnh theo năm*Đơn vị: Triệu USD*

TT	Tỉnh	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng
A	B	1	2	3	4=1+2+3
1	Thanh Hóa	2,443	2,973	2,973	8,389
2	Nghệ An	4,236	5,154	5,154	14,543
3	Hà Tĩnh	1,849	2,250	2,250	6,349
4	Quảng Bình	3,545	4,313	4,313	12,171
5	Quảng Trị	0,768	0,934	0,934	2,636
6	Thừa Thiên Huế	1,634	1,988	1,988	5,609
	Tổng	14,475	17,611	17,611	49,697

Căn cứ vào số tiền nhận được từ ERPA, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam hoàn thiện kế hoạch tài chính tổng thể và kế hoạch tài chính hằng năm theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

c) Chi trả cho chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tự nhiên

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trích kinh phí quản lý và kinh phí cho các hoạt động khác tối đa 10% (khoảng 4,97 triệu USD) tổng số tiền được điều phối, lãi tiền gửi (nếu có), số còn lại (khoảng 44,72 triệu USD) chi trả cho chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tự nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

Căn cứ kế hoạch tài chính hằng năm được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh chi trả cho chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

d) Số tiền điều phối thực tế cho các tỉnh

Số tiền Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tiếp nhận và điều phối cho các tỉnh tại Kế hoạch chia sẻ lợi ích từ ERPA này là số dự kiến theo Báo cáo Kế hoạch chia sẻ lợi ích từ ERPA kèm theo, số tiền thực tế sẽ được Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng 06 tỉnh căn cứ vào diện tích rừng tự nhiên của năm trước liền kề, kết quả giảm phát thải khí nhà kính trong kỳ của từng địa phương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo và kế hoạch tài chính tổng thể được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

(Sơ đồ điều phối tiền cho các đối tượng hưởng lợi tại Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Lâm nghiệp²

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 107/2022/NĐ-CP; tổ chức kiểm tra việc thực hiện ERPA tại trung ương và địa phương.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn quản lý tài chính ERPA (POM), kế hoạch tài chính tổng thể, kế hoạch tài chính hằng năm.

- Xây dựng báo cáo kết quả giảm phát thải gồm xác định kết quả giảm phát thải của từng tỉnh thuộc Vùng Bắc Trung Bộ và tham mưu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ;

2. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

- Tham mưu Tổng cục Lâm nghiệp triển khai các nội dung quy định tại khoản 1 Mục III Kế hoạch chia sẻ lợi ích từ ERPA kèm theo Quyết định này;

- Tổ chức triển khai các nội dung quy định tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP và Quyết định này; hướng dẫn các Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ tổ chức triển khai nhiệm vụ;

- Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tiền từ nguồn thu ERPA; thực hiện, duy trì khối lượng giảm phát thải; đầu mối giúp Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hoạt động kiểm tra giám sát tại các địa phương thuộc vùng Bắc Trung Bộ.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý nhà nước của mình và các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP và Quyết định số 366/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ, các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp triển khai Quyết định này.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

² Hoặc Cục chuyên ngành được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao quản lý Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (thực thi Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Phụ lục

SƠ ĐỒ ĐIỀU PHỐI TIỀN CHO CÁC CÁC ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

